

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Ngô Thị Kim Châu

Các Thẩm phán:

Ông Ngô Đê

Bà Huỳnh Ái Loan

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số: 51/2024/QĐ-ST ngày 24/06/2024, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh đã căn cứ vào các Điều 157, 165, 192, 217, 218, 219, 235 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 100, khoản 2 và 3 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013, ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất và yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Ông Lê Việt T, sinh năm 1957. Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Lê Việt T: Ông Phạm Minh L, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T. Địa chỉ trung tâm: số D L, phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh, có mặt.

2. *Bị đơn*:

2.1. Ông Lê Văn C, sinh năm 1967;

2.2. Bà Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1967;

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Ông Lê Văn C, sinh năm 1964;

3.2. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1967;

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3.3. Ủy ban nhân dân huyện C.

Địa chỉ trụ sở: Khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh, vắng mặt;

3.4. Ông Lê Hùng C1, sinh năm 1961;

3.5. Ông Lê Hùng D, sinh năm 1963;

3.6. Ông Lê Kim K, sinh năm 1965;

3.7. Ông Lê Hùng N, sinh năm 1967;

3.8. Bà Lê Thị Hồng N1, sinh năm 1973;

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã L, Cầu N, tỉnh Trà Vinh.

3.9. Bà Lê Thị Hồng N2, sinh năm 1971. Địa chỉ: Khóm I, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh;

3.10. Bà Lê Thị Hồng N3, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp N, T, huyện C, tỉnh Trà Vinh;

3.11. Bà Dương Thị Đ, sinh năm 1959;

3.12. Ông Dương Văn E, sinh năm 1964;

3.13. Ông Dương Văn L1, sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: Khóm E, phường D, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

3.14. Ông Dương Hồng P, sinh năm 1973. Địa chỉ: Số B, Khóm A, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh;

3.15. Ông Bùi Văn L2, sinh năm 1957. Địa chỉ: Số B Khóm A, phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh;

Người đại diện hợp pháp của ông Lê Hùng C1, ông Lê Kim K, ông Lê Hùng N, bà Lê Thị Hồng N1, bà Lê Thị Hồng N3, bà Lê Thị Hồng N2, bà Dương Thị Đ, ông Dương Văn E và ông Dương Văn L1: Ông Lê Việt T, sinh năm 1957; Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh theo văn bản ủy quyền các ngày 05, 06 và 09/9/2022.

3.16. Ông Nguyễn Văn N4, sinh năm 1955, Địa chỉ: Ấp T, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh;

3.17. Anh Khang Văn H, sinh năm 2000;

3.18. Anh Khang H1, sinh năm 2000;

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

3.19. Bà Bùi Thị H2, sinh năm 1954. Địa chỉ: Số G, đường Đ, Khóm H, phường F, thành phố T (chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Bùi Thị H2:

- Chị Trần Hồng T3, sinh năm 1979;

- Anh Trần Quốc H3, sinh năm 1977;

Cùng địa chỉ: Khóm H, phường F, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

3.20. Bà Lê Thị Kim Đ1, sinh năm 1954. Địa chỉ: Ấp L, xã L, Cầu N, tỉnh Trà Vinh (chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Lê Thị Kim Đ1:

- Anh Trần Thế H4, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp A, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh;

- Anh Trần Thái H5, sinh năm 1978;

- Chị Trần Thị Mỹ L3, sinh năm 1982;
- Chị Trần Thị Kim N5, sinh năm 1997;

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Chị Trần Thị Kim K1, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp I, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Với lý do đình chỉ: Vụ việc đã được giải quyết bằng bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 01/07/2024 của ông Lê Việt T nêu lý do của việc kháng cáo: Toà án cấp sơ thẩm Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án do vụ án đã được giải quyết bằng 01 bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật là không đúng, bởi vì ngoài việc yêu cầu “*Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” thì ông còn yêu cầu Toà án “*Công nhận quyền sử dụng đất*” đối với diện tích 1.500m² (thực đo 1.810m²), thuộc thửa 921, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị S (đã chết) mà ông là người thừa kế theo quy định của pháp luật, Toà án cấp sơ thẩm không đề cập giải quyết.

XÉT THẤY:

Thửa đất số 921 trước đây còn gọi là đất giồng khoảng 1,5 công có nguồn gốc là của cha mẹ của bà Nguyễn Thị S để lại cho bà S, tuy nhiên việc cho đất không có giấy tờ gì, từ năm 1971 bà S có gia đình về Trà Vinh sinh sống nên không canh tác đất mà cho vợ chồng ông Ba C2 thuê sử dụng đến năm 1975, sau đó ông Nguyễn Văn P1 là em của bà Nguyễn Thị S lấy cho ông Tư M thuê đến năm 1977, năm 1978 bà S lấy lại đất cho bà Trương Thị Tuyết T4, đến năm 1979 ông P1 lấy lại đất cho vợ chồng ông Ba C2 thuê, đến năm 1980 thì bà S ngăn cản không cho vợ chồng ông Ba C2 canh tác, việc lấy đất qua lại cho người khác thuê thì giữa bà S và ông P1 có xảy ra mâu thuẫn nên đất này bỏ trống. Năm 1985 bà S đồng ý hiến đất cho UBND xã H (nay là xã H1) làm sân phơi chứa lúa, sau đó bà xin lại phần đất nên được UBND xã giải quyết trả đất cho bà S bằng giấy chấp nhận ngày 27/4/1992 của Phó chủ tịch UBND xã ký nhưng tại thời điểm này thì bà S phát hiện trên đất ông Lê Văn C đang có cất nhà ở, sử dụng, bà không đồng ý nên xảy ra tranh chấp, sự việc được UBND xã giải quyết bằng Quyết định số: 14/QĐ.UBX ngày 05/12/1992 (BL15) quyết định buộc ông Lê Văn C phải di dời nhà trả đất lại cho bà S; ông C không đồng ý trả đất theo yêu cầu của bà S, ông C cho rằng ông đã nhận chuyển nhượng đất của ông Nguyễn Văn P1 và ông Nguyễn Văn N4 (con ông P1). Do đó bà S tiếp tục yêu cầu UBND các cấp giải quyết buộc ông C trả đất cho bà nhưng chưa giải quyết xong. Đến tháng 10/1996 bà S chết, sau đó gia đình con của bà S không ai tiếp tục khiếu nại và phía UBND không ban hành quyết định đình chỉ giải quyết việc khiếu nại của bà S.

Đến năm 2010, con của bà S là ông Lê Văn V là người thừa kế của bà S tiếp tục khiếu nại đòi lại phần đất giồng là thửa đất 921, đồng thời ông Lê Văn V uỷ quyền thừa kế cho ông Lê Việt T (con ông V) tiếp tục việc đòi đất, cụ thể yêu cầu

UBND huyện C thu hồi và huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Lê Văn C đứng tên đối với thửa đất số 921, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.810m², tọa lạc ấp G, xã H, huyện C và huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Nguyễn Thị Thanh T1 đứng tên đối với thửa đất này do bà T1 nhận chuyển nhượng lại đất từ ông Lê Văn C.

Việc khiếu nại đã được UBND huyện C giải quyết bằng văn bản trả lời số: 136/UBND-NC ngày 28/01/2015, Quyết định số 4817/UBND-NC ngày 03/11/2015 của UBND huyện C. Nội dung giải quyết thể hiện “Không công nhận đơn khiếu nại của ông Lê Việt T về việc yêu cầu thu hồi và huỷ bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 921, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.810m², tọa lạc ấp G, xã H, huyện C, để trả đất lại cho bà S”.

Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại của UBND huyện C, ông T tiếp tục khiếu nại Quyết định số 4817/UBND-NC ngày 03/11/2015, yêu cầu UBND tỉnh T giải quyết. Ngày 14/3/2016 UBND tỉnh T ban hành Quyết định số: 521/QĐ-UBND giữ nguyên Quyết định số 4817/UBND-NC của UBND huyện C, bác khiếu nại của ông T về việc yêu cầu thu hồi và huỷ bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất liên quan thửa đất 921, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.810m², tọa lạc ấp G, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại của UBND các cấp nên ông T khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Toà án huỷ Quyết định số 4817 UBND-NC của UBND huyện C và Quyết định số 521/QĐ-UBND của UBND tỉnh T, nội dung yêu cầu buộc UBND thu hồi và huỷ bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp đối với thửa đất 921, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.810m², tọa lạc ấp G, xã H, huyện C, do UBND huyện xác nhận việc cấp quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn C vào năm 1996 là chưa đúng quy định vì tại thời điểm cấp giấy chứng nhận thì phần đất này còn đang tranh chấp chưa được giải quyết dứt điểm nên ông yêu cầu xem xét thu hồi, huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để trả đất cho bà S và giao cho ông được quyền thừa kế.

Tại bản án Hành chính sơ thẩm số: 02/2016/HCST ngày 27/06/2016 của Toà án nhân dân tỉnh Trà Vinh và Bản án Hành chính phúc thẩm số: 19/2018/HC-PT ngày 19/01/2018 của Toà án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh, đều có chung nhận định: Việc khiếu kiện của ông Lê Việt T yêu cầu UBND huyện C phải thu hồi, huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 921 đã cấp cho bà Nguyễn Thị Thanh T1 đứng tên là chưa phù hợp, bởi vì, UBND huyện cũng thừa nhận việc cấp quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn C vào năm 1996 là chưa đúng quy định vì tại thời điểm cấp giấy đất này còn đang tranh chấp chưa được giải quyết dứt điểm, tuy nhiên, căn cứ quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật đất đai năm 2013 có quy định “ *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng diện tích đất, không đủ điều kiện được cấp, không đúng mục đích sử dụng đất hoặc thời hạn sử dụng đất hoặc nguồn gốc sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai, trừ trường hợp người sử dụng đất đó đã thực hiện chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản*

gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai” và tại khoản 5 Điều 87 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2013 có quy định “Nhà nước không thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp trái pháp luật trong trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật đất đai năm 2013, nếu người được cấp giấy chứng nhận đã thực hiện thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất và đã giải quyết theo quy định của pháp luật. Việc xử lý thiệt hại do việc cấp giấy chứng nhận trái pháp luật gây ra thực hiện theo quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân. Người có hành vi vi phạm dẫn đến việc cấp giấy chứng nhận trái pháp luật bị xử lý theo quy định tại Điều 206, 207 của Luật đất đai”. Cho nên Tòa án 02 cấp đã xét tính hợp pháp của các Quyết định của Ủy ban nhân dân bị khởi kiện (Quyết định số 4817 của UBND huyện C và Quyết định số 521 của UBND tỉnh T) nên đã bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Việt T, án đã có hiệu lực pháp luật. Cũng theo quy định đã trích dẫn trên, Tòa án sẽ giải quyết vụ án khi người có quyền khởi kiện, khởi kiện về bồi thường thiệt hại do việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trái pháp luật gây ra và người có hành vi vi phạm dẫn đến việc cấp giấy chứng nhận trái pháp luật bị xử lý theo quy định tại Điều 206, 207 của Luật đất đai.

Như vậy, ông Lê Việt T tiếp tục khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét “Huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện C đã cấp cho bà Nguyễn Thị Thanh T1 đối với thửa đất số 921, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.810m², toạ lạc ấp G, xã H, huyện C, cấp vào năm 2002 và công nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị S (đã chết nên giao cho ông được quyền thừa kế). Xét thấy, việc yêu cầu này thì đương sự đã lựa chọn cơ quan có thẩm quyền giải quyết là UBND và khởi kiện vụ án hành chính đã được giải quyết xong và bản án đã có hiệu lực pháp luật.

Từ những phân tích trên xác định yêu cầu “Huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T đối với thửa đất 921, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.810m², toạ lạc ấp G, xã H, huyện C đã được giải quyết bằng quyết định và bản án đã có hiệu lực pháp luật thi hành”, do đó nay ông T tiếp tục yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 921 là không cơ sở xem xét nên cấp sơ thẩm ban hành Quyết định đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông T theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự là đúng quy định.

Tại phiên họp phúc thẩm, ông Lê Việt T và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông có nêu, việc Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết vụ án khi chưa xem xét yêu cầu “Công nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 921 cho ông T” là chưa xem xét toàn diện yêu cầu khởi kiện của ông T. Hội đồng phúc thẩm xét thấy, việc yêu cầu công nhận đất của ông T chỉ xảy ra khi có việc xem xét huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T1. Do vậy, cũng không có cơ sở gì xem xét yêu cầu trên của ông T.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Việt T là người cao tuổi và ông T có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, được Thẩm phán chấp nhận cho miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 14 và 15 của Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên không xử lý.

Từ nhận định và phân tích trên, Hội đồng phúc thẩm căn cứ vào Điều 314 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số: 51/2024/QĐ-ST ngày 24/06/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Lê Việt T. Ông Lê Việt T đã được xem xét miễn nộp tạm ứng án phí phúc thẩm khi kháng cáo nên Hội đồng phúc thẩm không xem xét hoàn trả.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Ngô Thị Kim Châu